

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28-3-2024  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Anh.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Thành Châu
- Ông Huỳnh Trường Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thu Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở **Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 2107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Phạm Ngọc P**, sinh năm 1990

Thường trú: 210/1/1 **H, Phường A, Quận E, Tp ..**

**Bị đơn:** Ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)**, sinh năm 1993

Thẻ thường trú số 066063110 do Hoa Kỳ cấp ngày 30/12/2017

Địa chỉ: **C Saint Johns Bluff Rd S J, USA.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2023 và lời khai của nguyên đơn – bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** thì: Bà và bị đơn kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2018. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau ở Việt Nam được 1 tháng thì bị đơn về Mỹ. Hai người vẫn thường xuyên liên lạc nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 6/2021 đến nay không còn liên lạc nữa. Nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc hôn nhân

này nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, nơi bị đơn – ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** cư trú để tổng đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa cho ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** và yêu cầu ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** nhưng ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt; Tòa án đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai và thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn - ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)**, nên căn cứ Khoản 1 Điều 228 và Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** và ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2018 thì giữa bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** và ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** là quan hệ hôn nhân

hợp pháp. Theo trình bày của bà Nguyễn Phạm Ngọc P sau khi kết hôn thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Phạm Ngọc P yêu cầu ly hôn ông Do Quang T (Đỗ Quang T1). Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án để đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng không tồn tại, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Ngọc P.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Nguyễn Phạm Ngọc P khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Nguyễn Phạm Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4 Điều 147; Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Ngọc P.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phạm Ngọc P được ly hôn ông Do Quang T (Đỗ Quang T1).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phạm Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004353 ngày 21 tháng 3

năm 2023 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – Bà **Nguyễn Phạm Ngọc P** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; bị đơn – ông **Do Quang T (Đỗ Quang T1)** được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân Q. 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Châu**

**Huỳnh Trường Sơn**

**Nguyễn Hoàng Anh**